

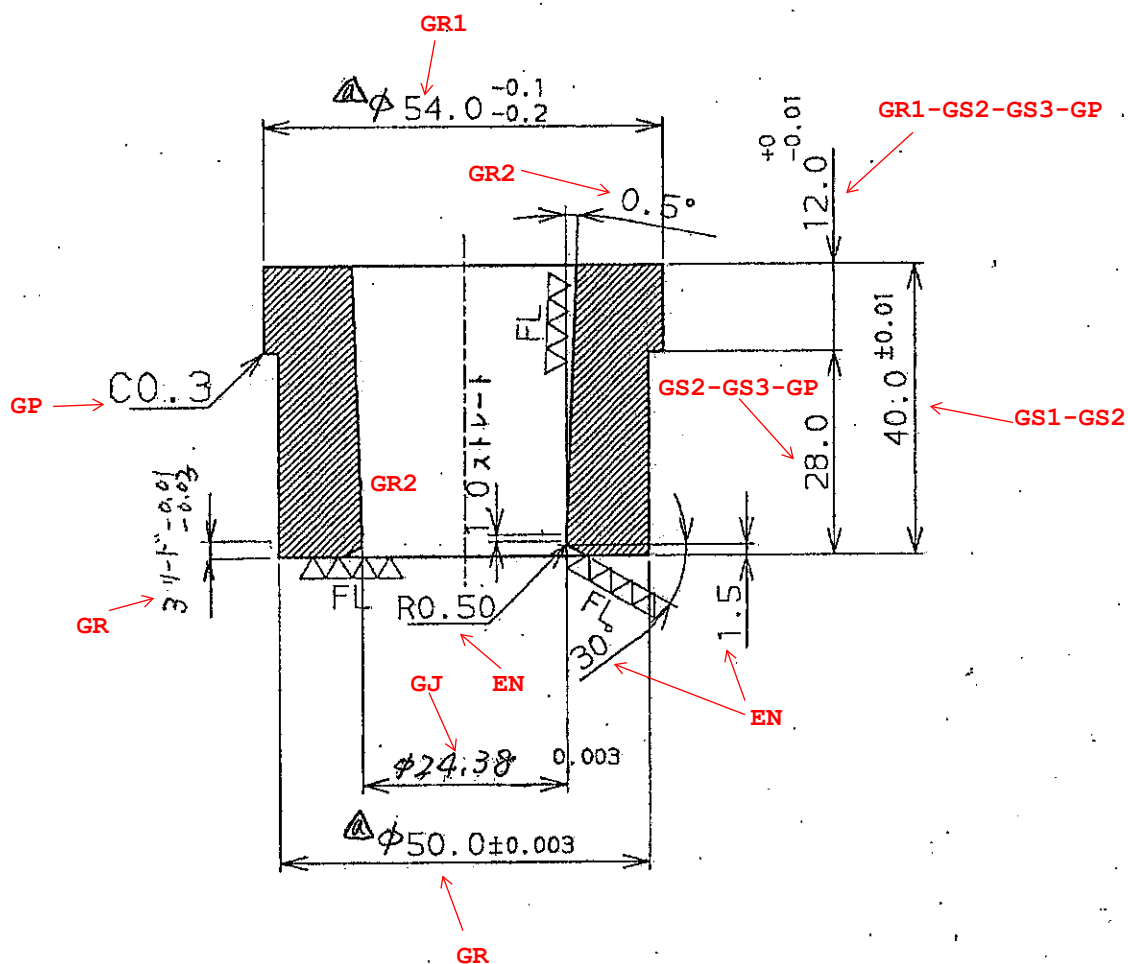
日期	付	記	事	担当
2022/1/18		4118	如常様通記 追記	曾中熙

414.001 0028

0.0000	± 0.002	0.000+0	+0 -0.005
0.000	± 0.005	0.000-0	+0.005 -0
0.00	± 0.01	0.00+0	+0 -0.01
0.0	± 0.1	0.00-0	+0.01 -0
0.	± 0.2	0.0+0	+0 -0.1
		0.0-0	+0.1 -0

公差表示されている場合は、それを優先する

公差表示されている場合は、それを優先する



工程

圖 番 號	TM08-066M-00-1-016 AA	a
-------------	-----------------------	---

新圖面番號 S212037

上模冲模

部 品 名		材 質		数 量		設 備 名 称	
上型ダイ		WC(D30/HIP)		1		RF-370C 大ケース トリム型	
熱 処 理		表 面 処 理		検 査		日 付	
焼入 HRC -		焼入		遠藤		00.03.16	
図 面 番 号		尺 度					
1/1 (/)							

STP S212037 (TK 2P)

マブチモーター株式会社

SNO: S212037	
SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:	
NGƯỜI THIẾT LẬP: 10197	
DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: BTP S212037 2.THỜI GIAN GIA CÔNG GS1: Lướt sáng 2 mặt 20 phút/pc GR1: -Ø54.0=>OK -Ø50.00=>ok -Dẫn hướng=>ok 200 phút/pc GS2: -28.00=>27.90 -40.0=>40.10 30 phút/pc GJ: -Ø24.3800=>OK 200 phút/pc EN: -R0.50=>OK -30°=>OK 150 phút/pc KA: -R0.50 -30° 1 phút/pc GS3: -40.00=>OK 30 phút/pc GP: -12.00=>OK -C0.3=>OK 60 phút/pc GR3: -0.5°=>OK 90 phút/pc AF: Đánh bóng=>ok 20 phút/pc	GS1:20 GR1:200 GS2:30 GJ:200 EN:150 KA:1 GS3:30 GP:60 GR3:90 AF:20 KT